

HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN***(Ban hành kèm theo quyết định số 460/QĐ-ĐHNLBG-ĐT cấp ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)***NGÀY THI: 25/5/2019, cấp ngày 03/6/2019**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Bùi Thị Kiều Anh	20/12/1998	Lạng Giang - Bắc Giang	7,2	5,0	Đạt	CNTTCB1993	0717805	
2	CNTT04	Nguyễn Thế Anh	30/6/1995	TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	7,2	7,0	Đạt	CNTTCB1994	0717804	
3	CNTT05	Nguyễn Văn Việt Anh	04/6/1996	Thọ Xuân - Thanh Hóa	7,7	6,0	Đạt	CNTTCB1995	0717803	
4	CNTT07	Vũ Thị Ngọc Anh	05/10/1998	Lạng Giang - Bắc Giang	5,5	9,0	Đạt	CNTTCB1996	0717802	
5	CNTT08	Vũ Tú Anh	15/7/1997	Lương Tài - Bắc Ninh	5,5	5,0	Đạt	CNTTCB1997	0717801	
6	CNTT10	Nguyễn Văn Cảnh	02/3/1995	Quế Võ - Bắc Ninh	7,0	5,0	Đạt	CNTTCB1998	0717800	
7	CNTT11	Hoàng Minh Chiến	03/3/1997	Lương Sơn - Hòa Bình	5,7	8,5	Đạt	CNTTCB1999	0717799	
8	CNTT12	Nguyễn Văn Chinh	12/9/1997	Yên Dũng - Bắc Giang	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB2000	0717798	
9	CNTT13	Dương Thành Công	10/12/1997	Tân Yên - Bắc Giang	6,5	5,5	Đạt	CNTTCB2001	0717797	
10	CNTT14	Trần Thị Kim Cúc	15/12/1999	Quế Võ - Bắc Ninh	6,7	8,5	Đạt	CNTTCB2002	0717796	
11	CNTT15	Vũ Hải Cường	29/8/1993	Bình Giang - Hải Dương	5,0	5,0	Đạt	CNTTCB2003	0717795	
12	CNTT16	Hoàng Thị Thùy Dung	30/11/1996	TP. Thái Bình - Thái Bình	5,5	5,0	Đạt	CNTTCB2004	0717794	
13	CNTT17	Hà Duyên Duy	28/9/1999	Cầu Giấy - Hà Nội	8,0	7,5	Đạt	CNTTCB2005	0717793	
14	CNTT18	Thân Thị Thùy Dương	12/12/1998	Tân Yên - Bắc Giang	6,5	8,5	Đạt	CNTTCB2006	0717792	
15	CNTT19	Trần Quang Đạo	03/7/1999	Sơn Động - Bắc Giang	5,0	6,0	Đạt	CNTTCB2007	0717791	
16	CNTT20	Ngô Văn Đạt	14/4/1997	Tiên Du - Bắc Ninh	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB2008	0717790	
17	CNTT21	Nguyễn Văn Bắc Đầu	22/5/1998	Thừa Thiên Huế	7,7	6,0	Đạt	CNTTCB2009	0717789	
18	CNTT22	Tạ Văn Điều	29/10/1998	Việt Yên - Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2010	0717788	
19	CNTT23	Dương Văn Đoàn	10/11/1998	Nho Quan - Ninh Bình	7,7	7,0	Đạt	CNTTCB2011	0717787	
20	CNTT27	Trần Thị Giang	26/02/1999	Tân Yên - Bắc Giang	7,2	5,0	Đạt	CNTTCB2012	0717786	
21	CNTT29	Nguyễn Văn Hải	29/8/1997	Bắc Quang - Hà Giang	5,2	8,0	Đạt	CNTTCB2013	0717785	
22	CNTT30	Nguyễn Thị Thu Hằng	16/05/1994	Tân Yên - Bắc Giang	5,2	8,0	Đạt	CNTTCB2014	0717784	
23	CNTT31	Đình Duy Hiệp	13/7/1997	Tam Điệp - Ninh Bình	7,5	6,5	Đạt	CNTTCB2015	0717783	
24	CNTT32	Nguyễn Xuân Hiệp	20/11/1998	Yên Dũng - Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	CNTTCB2016	0717782	
25	CNTT33	Nguyễn Xuân Hiếu	13/11/1999	Tân Yên - Bắc Giang	7,7	7,5	Đạt	CNTTCB2017	0717781	
26	CNTT34	Đỗ Mạnh Hiếu	26/6/1996	Đan Phượng - Hà Nội	7,7	6,5	Đạt	CNTTCB2018	0717780	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
27	CNTT35	Nguyễn Trung	Hiếu	28/02/1998	Bình Lục - Hà Nam	6,5	6,0	Đạt	CNTTCB2019	0717779	
28	CNTT36	Nguyễn Văn	Hiếu	23/7/1997	TP. Hạ Long - Quảng Ninh	5,5	5,0	Đạt	CNTTCB2020	0717778	
29	CNTT37	Hoàng Văn	Hiệu	03/8/1993	Việt Yên - Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2021	0717777	
30	CNTT39	Bùi Huy	Hoàng	28/10/1997	Chí Linh - Hải Dương	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB2022	0717776	
31	CNTT40	Dương Ngô	Hoàng	07/9/1998	Việt Yên - Bắc Giang	9,0	7,5	Đạt	CNTTCB2023	0717775	
32	CNTT41	Dương Văn	Hoàng	23/4/1997	Vĩnh Bảo - Hải Phòng	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB2024	0717774	
33	CNTT42	Đỗ Minh	Hoàng	12/11/1996	Hiệp Hòa - Bắc Giang	5,5	5,5	Đạt	CNTTCB2025	0717773	
34	CNTT43	Lương Tiến	Hoàng	08/9/1996	Yên Dũng - Bắc Giang	5,0	5,0	Đạt	CNTTCB2026	0717772	
35	CNTT44	Hoàng Văn	Hùng	26/9/1998	Phú Bình - Thái Nguyên	5,2	5,0	Đạt	CNTTCB2027	0717771	
36	CNTT45	Tổng Văn	Huy	06/10/1996	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,2	5,0	Đạt	CNTTCB2028	0717770	
37	CNTT46	Hà Thị Ngọc	Huyền	15/8/1998	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7,7	6,0	Đạt	CNTTCB2029	0717769	
38	CNTT47	Nguyễn Thị	Huyền	26/11/1999	Lục Nam - Bắc Giang	5,7	6,0	Đạt	CNTTCB2030	0717768	
39	CNTT48	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	21/10/1999	Tân Yên - Bắc Giang	7,7	6,5	Đạt	CNTTCB2031	0717767	
40	CNTT49	Bùi Thị	Hương	01/10/1998	Kim Bôi - Hòa Bình	8,2	9,0	Đạt	CNTTCB2032	0717766	
41	CNTT50	Trần Thị	Hương	12/9/1999	Việt Yên - Bắc Giang	8,2	8,5	Đạt	CNTTCB2033	0717765	
42	CNTT52	Nguyễn Thị	Diễm	05/3/1997	Việt Yên - Bắc Giang	6,7	8,0	Đạt	CNTTCB2034	0717764	
43	CNTT53	Nguyễn Việt	Dũng	11/02/1996	Việt Yên - Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	CNTTCB2035	0717763	
44	CNTT54	Nguyễn Xuân	Điệp	25/3/1974	Việt Yên - Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2036	0717762	
45	CNTT55	Hà Đức	Hào	10/11/1980	Việt Yên - Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	CNTTCB2037	0717761	
46	CNTT56	Nguyễn Văn	Hùng	07/6/1982	Việt Yên - Bắc Giang	6,2	6,5	Đạt	CNTTCB2038	0717760	
47	CNTT57	Đặng Duy	Khang	13/8/1996	Hữu Lũng - Lạng Sơn	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB2039	0717759	
48	CNTT58	Đặng Văn	Khánh	25/8/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,2	6,5	Đạt	CNTTCB2040	0717758	
49	CNTT59	Hoàng Thị	Khánh	05/7/1997	Hữu Lũng - Lạng Sơn	8,5	7,7	Đạt	CNTTCB2041	0717757	
50	CNTT60	Trương Thị	Khánh	11/12/1998	Hiệp Hòa - Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB2042	0717756	
51	CNTT61	Nguyễn Phi	Kiên	01/9/1999	Hiệp Hòa - Bắc Giang	8,0	5,0	Đạt	CNTTCB2043	0717755	
52	CNTT62	Phạm Thị Ngọc	Lan	08/9/1995	Gia Viễn - Ninh Bình	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB2044	0717754	
53	CNTT64	Vi Ngọc	Linh	12/6/1998	Sơn Động - Bắc Giang	7,5	5,0	Đạt	CNTTCB2045	0717753	
54	CNTT65	Ngô Thị	Ly	14/01/1997	Tiên Du - Bắc Ninh	8,2	6,0	Đạt	CNTTCB2046	0717752	
55	CNTT66	Nguyễn Thị Kim	Mai	21/10/1996	Ba Vì - Hà Nội	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB2047	0717751	
56	CNTT67	Đặng Thị Thanh	Minh	26/4/1995	Ứng Hòa - Hà Nội	6,7	5,0	Đạt	CNTTCB2048	0717750	
57	CNTT71	Nguyễn Văn	Nguyên	03/6/1995	Quế Võ - Bắc Ninh	7,0	5,0	Đạt	CNTTCB2049	0717749	
58	CNTT72	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/9/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	8,0	6,5	Đạt	CNTTCB2050	0717748	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành				
59	CNTT73	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/9/1998	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,5	6,5	Đạt	CNTTCB2051	0717747	
60	CNTT74	Nguyễn Thị Như	01/02/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	7,7	6,0	Đạt	CNTTCB2052	0717746	
61	CNTT75	Trần Phi	10/8/1999	Tiên Du - Bắc Ninh	7,0	6,5	Đạt	CNTTCB2053	0717745	
62	CNTT76	Nguyễn Văn Phúc	30/01/1996	Tân Yên - Bắc Giang	5,7	6,5	Đạt	CNTTCB2054	0717744	
63	CNTT78	Nguyễn Thị Thu Phương	25/7/1998	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7,0	8,0	Đạt	CNTTCB2055	0717743	
64	CNTT79	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/6/1997	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,5	5,0	Đạt	CNTTCB2056	0717742	
65	CNTT80	Nguyễn Thị Thanh Tâm	17/01/1997	Lương Sơn - Hòa Bình	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB2057	0717741	
66	CNTT81	Dương Văn Thạo	11/7/1994	Tân Yên - Bắc Giang	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB2058	0717740	
67	CNTT82	Trịnh Xuân Thịnh	21/9/1999	TP. Thanh Hóa - Thanh Hóa	6,5	5,5	Đạt	CNTTCB2059	0717739	
68	CNTT83	Hoàng Minh Thơ	18/10/1995	Na Hang - Tuyên Quang	7,2	5,0	Đạt	CNTTCB2060	0717738	
69	CNTT84	Nguyễn Duy Thụ	06/3/1998	Lương Tài - Bắc Ninh	5,0	5,0	Đạt	CNTTCB2061	0717737	
70	CNTT85	Nguyễn Thị Thúy	16/8/1997	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	5,5	5,0	Đạt	CNTTCB2062	0717736	
71	CNTT86	Nguyễn Thị Thúy	17/10/1997	Tân Yên - Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	CNTTCB2063	0717735	
72	CNTT87	Dương Văn Toàn	08/3/1995	Tân Yên - Bắc Giang	5,5	5,0	Đạt	CNTTCB2064	0717734	
73	CNTT88	Ngô Quang Toán	20/7/1999	Gia Lâm - Hà Nội	7,2	5,5	Đạt	CNTTCB2065	0717733	
74	CNTT89	Dương Minh Trọng	22/8/1999	Hiệp Hòa - Bắc Giang	6,0	6,0	Đạt	CNTTCB2066	0717732	
75	CNTT91	Nguyễn Thế Trung	07/3/1996	TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,7	5,0	Đạt	CNTTCB2067	0717731	
76	CNTT92	Nguyễn Đức Tuấn	26/4/1998	Việt Yên - Bắc Giang	8,2	8,0	Đạt	CNTTCB2068	0717730	
77	CNTT94	Hạ Tiến Tùng	02/12/1997	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2069	0717729	
78	CNTT95	Nguyễn Văn Tùng	05/6/1996	Tân Yên - Bắc Giang	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB2070	0717728	
79	CNTT96	Trần Thị Thu Uyên	07/10/1998	Sơn Động - Bắc Giang	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB2071	0717727	
80	CNTT97	Đinh Hồng Vân	12/4/1998	Đông Anh - Hà Nội	7,7	5,0	Đạt	CNTTCB2072	0717726	
81	CNTT98	Lê Đình Việt	03/01/1997	Thuận Thành - Bắc Ninh	5,7	5,5	Đạt	CNTTCB2073	0717725	
82	CNTT100	Hà Văn Vĩnh	25/12/1998	Phú Bình - Thái Nguyên	6,5	6,5	Đạt	CNTTCB2074	0717724	
83	CNTT101	Đỗ Văn Vũ	26/3/1997	Mỹ Đức - Hà Nội	7,7	5,5	Đạt	CNTTCB2075	0717723	
84	CNTT102	Nguyễn Kim Vương	06/9/1996	Gia Bình - Bắc Ninh	8,0	6,0	Đạt	CNTTCB2076	0717722	
85	CNTT103	Nguyễn Ngọc Anh	05/9/1988	Lục Nam - Bắc Giang	6,0	5,0	Đạt	CNTTCB2077	0717721	
86	CNTT104	Nguyễn Thị Bình	05/8/1968	Việt Yên - Bắc Giang	6,0	5,0	Đạt	CNTTCB2078	0717720	
87	CNTT105	Du Văn Cảnh	24/6/1992	Lạng Giang - Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	CNTTCB2079	0717719	
88	CNTT106	Thân Văn Châu	22/12/1993	Lục Ngạn - Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	CNTTCB2080	0717718	
89	CNTT108	Lê Văn Đan	01/5/1985	Yên Dũng - Bắc Giang	8,2	6,5	Đạt	CNTTCB2081	0717717	
90	CNTT109	Tổng Văn Độ	16/6/1991	Lục Ngạn ₃ Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	CNTTCB2082	0717716	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
91	CNTT110	Hoàng Văn	Đông	03/02/1983	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7,5	7,0	Đạt	CNTTCB2083	0717715	
92	CNTT111	Phạm Văn	Hạnh	10/3/1986	Yên Dũng - Bắc Giang	6,7	7,0	Đạt	CNTTCB2084	0717714	
93	CNTT112	Nguyễn Thị	Hằng	14/3/1987	Yên Thế - Bắc Giang	7,5	5,0	Đạt	CNTTCB2085	0717713	
94	CNTT113	Vũ Thị	Hằng	21/7/1994	Yên Thế - Bắc Giang	6,0	7,0	Đạt	CNTTCB2086	0717712	
95	CNTT114	Giáp Thu	Hiền	23/01/1984	Tân Yên - Bắc Giang	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2087	0717711	
96	CNTT115	Lý Thị	Hòa	26/6/1991	Yên Thế - Bắc Giang	6,2	7,0	Đạt	CNTTCB2088	0717710	
97	CNTT116	Nguyễn Thị	Hòa	27/12/1989	Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,5	Đạt	CNTTCB2089	0717709	
98	CNTT117	Đồng Thu	Hoàn	30/7/1980	Hiệp Hòa - Bắc Giang	6,2	7,0	Đạt	CNTTCB2090	0717708	
99	CNTT118	Ngô Thế	Hưng	02/6/1990	Lục Nam - Bắc Giang	7,2	7,5	Đạt	CNTTCB2091	0717707	
100	CNTT119	Nguyễn Thị	Hương	20/10/1989	Yên Dũng - Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	CNTTCB2092	0717706	
101	CNTT121	Tạ Thị Thúy	Lan	18/11/1977	Việt Yên - Bắc Giang	6,2	6,5	Đạt	CNTTCB2093	0717705	
102	CNTT124	Đỗ Thị	Loan	06/6/1982	Yên Thế - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	CNTTCB2094	0717704	
103	CNTT125	Vũ Thị	Ly	12/9/1989	Lạng Giang - Bắc Giang	8,0	5,5	Đạt	CNTTCB2095	0717703	
104	CNTT126	Hồ Hải	Lý	01/6/1986	Quỳnh Lưu - Nghệ An	8,7	7,0	Đạt	CNTTCB2096	0717702	
105	CNTT127	Lý Thị	Mai	26/4/1991	Yên Thế - Bắc Giang	8,7	6,5	Đạt	CNTTCB2097	0717701	
106	CNTT128	Nguyễn Thị	Mến	09/11/1991	Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	CNTTCB2098	0717700	
107	CNTT129	Lâm Văn	Mỗi	04/4/1969	Lục Ngạn - Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	CNTTCB2099	0717699	
108	CNTT130	Nguyễn Thị Hồng	Mới	16/11/1977	Yên Thế - Bắc Giang	6,0	7,5	Đạt	CNTTCB2100	0717698	
109	CNTT131	Dương Thị Quỳnh	Nga	13/5/1987	Yên Thế - Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2101	0717697	
110	CNTT132	Hoàng Thị Thanh	Nga	15/4/1984	Yên Thế - Bắc Giang	6,2	6,5	Đạt	CNTTCB2102	0717696	
111	CNTT133A	Phạm Thị	Liên	01/01/1974	Yên Thế - Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	CNTTCB2103	0717695	
112	CNTT133B	Nguyễn Quốc	Long	01/9/1978	Lục Nam - Bắc Giang	6,2	6,0	Đạt	CNTTCB2104	0717694	
113	CNTT134	Đào Thị	Oanh	03/11/1984	Yên Thế - Bắc Giang	6,4	5,5	Đạt	CNTTCB2105	0717693	
114	CNTT135	Hoàng Thị	Phượng	17/8/1983	Việt Yên - Bắc Giang	6,2	6,0	Đạt	CNTTCB2106	0717692	
115	CNTT136	Đặng Sĩ	Quang	07/5/1990	Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	6,5	Đạt	CNTTCB2107	0717691	
116	CNTT137	Nguyễn Thị	Sáng	10/6/1983	Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	7,0	5,0	Đạt	CNTTCB2108	0717690	
117	CNTT138	Đặng Hồng	Son	19/3/1993	Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	CNTTCB2109	0717689	
118	CNTT139	Trương Văn	Tâm	07/5/1988	Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB2110	0717688	
119	CNTT140	Nguyễn Văn	Tân	30/9/1992	Lục Nam - Bắc Giang	7,0	5,5	Đạt	CNTTCB2111	0717687	
120	CNTT141	Hoàng Văn	Thanh	22/6/1969	Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	6,5	Đạt	CNTTCB2112	0717686	
121	CNTT142	Nguyễn Đức	Thiện	23/01/1993	Việt Yên - Bắc Giang	6,4	6,0	Đạt	CNTTCB2113	0717685	
122	CNTT143	Đoàn Thị	Tình	10/02/1974	Yên Thế - Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	CNTTCB2114	0717684	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
123	CNTT144	Dương Văn	Thu	10/4/1974	Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	CNTTCB2115	0717683	
124	CNTT145	Dương Văn	Thuấn	06/4/1976	Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	5,0	Đạt	CNTTCB2116	0717682	
125	CNTT146	Chu Đại	Thuận	14/6/1989	Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB2117	0717681	
126	CNTT147	Nguyễn Thị	Thùy	05/5/1992	Lương Tài - Bắc Ninh	8,0	6,5	Đạt	CNTTCB2118	0717680	
127	CNTT148	Nguyễn Thị	Thúy	14/02/1983	Cẩm Khê - Phú Thọ	6,0	6,5	Đạt	CNTTCB2119	0717679	
128	CNTT149	Nguyễn Thùy	Trang	04/02/1996	Yên Thế - Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	CNTTCB2120	0717678	
129	CNTT150	Thân Ngọc	Trung	22/12/1966	Yên Dũng - Bắc Giang	6,0	5,0	Đạt	CNTTCB2121	0717677	
130	CNTT151	Lê Anh	Tuấn	09/6/1982	Tân Yên - Bắc Giang	6,7	5,5	Đạt	CNTTCB2122	0717676	
131	CNTT152	Nguyễn Quốc	Tùng	11/10/1990	Lục Nam - Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	CNTTCB2123	0717675	
132	CNTT153	Nguyễn Thanh	Tùng	09/10/1993	TP. Bắc Giang - Bắc Giang	7,2	6,5	Đạt	CNTTCB2124	0717674	

Số thí sinh theo danh sách: 132

Bắc Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả thi
(Đã ký)

Thư ký Hội đồng xét kết quả thi
(Đã ký)

Chủ tịch Hội đồng thi
(Đã ký)

TS. Nguyễn Tuấn Điệp

ThS. Nguyễn Việt Đức

ThS. Đỗ Thị Huyền

